TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** TỈNH HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ -ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2018
" V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Khanh ;

2. Ông Dương Văn Ngạn ;

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST- HN&GĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 ; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2018/TB- TA ngày 22/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tống Đức Q (Tống Khánh L), sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Thôn NT, xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hoàng H, sinh năm 1981, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2018 và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Tống Đức Q (Tống Khánh L) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Hoàng H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09/8/2001 tại UBND xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ gia đình từ việc nuôi dạy con đến đối nhân xử thế và làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hơn nữa do tính chất công việc anh Q thường xuyên phải làm xa nhà nên vợ chồng ít có thời gian quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2005 đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ nên anh Q xin ly hôn chị H.

- *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Tống Khánh L1, sinh ngày 02/9/2001 và Tống Khánh Nhật A sinh ngày 05/01/2005. Hiện anh đang nuôi con chung là Tống Khánh Nhật A, chị H nuôi con chung là Tống Khánh L, anh Quỳnh đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay.

- Về tài sản, nợ chung, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (chị H) trình bày: Chị và anh Quỳnh (L) tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 09/8/2001, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q có tình cảm với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không tin tưởng và luôn nghi ngờ nhau. Hơn nữa anh Q không biết tính toán làm kinh tế dẫn đến thua lỗ, kinh tế sa sút và anh Q không sống cùng chị từ năm 2005, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng do công việc bận nên chị không đến Tòa án theo giấy triệu tập được, chị H đề nghị giải quyết yêu cầu xin ly hôn theo đơn của anh Q theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tống Khánh L1, sinh ngày 02/9/2001 hiện đang do chị H nuôi dưỡng và Tống Khánh Nhật A sinh ngày 05/01/2005 hiện do anh Q nuôi dưỡng, chị Hà đề nghị tiếp tục nuôi con chung là Khánh L1, anh Q nuôi con Nhật A.

Cháu Nhật A xin ở với anh Q, cháu Khánh L1 xin ở với chị H.

- Về tài sản, nợ chung, công sức chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn(anh Q):*Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn (chị H): Vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Q ly hôn chị H.

- Về con chung: Giao con chung là Tống Khánh L1, sinh ngày 02/9/2001 cho chị Trần Thị Hoàng H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Tống Khánh Nhật A sinh ngày 05/01/2005 cho anh Tống Đức Q (Tống Khánh L) tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên.

Anh Q và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tống Đức Q (Tống Khánh L) và chị Trần Thị Hoàng H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 09/8/2001 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

là do bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau trong cuộc sống, anh Q không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và sống ly thân từ năm 2005 đến nay, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tống Khánh L1, sinh ngày 02/9/2001 và Tống Khánh Nhật A sinh ngày 05/01/2005. Hiện anh Q và chị H mỗi người đều trực tiếp nuôi một con, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con tốt nhất cần ổn định tránh xáo trộn nên chấp nhận đề nghị của các đương sự, giao cho anh Q tiếp tục nuôi con chung là Tống Khánh Nhật A ; giao cho chị H tiếp tục nuôi con chung là Tống Khánh L1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Anh Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm HNGĐ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Tống Đức Q (Tống Khánh L) ly hôn chị Trần Thị Hoàng H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung là Tống Khánh L1, sinh ngày 02/9/2001 cho chị Trần Thị Hoàng H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

- Giao con chung là Tống Khánh Nhật A sinh ngày 05/01/2005 cho anh Tống Đức Q (Tống Khánh L) tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Q và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3.Về án phí: Anh Tống Đức Q (Tống Khánh L) phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0002111 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Anh Q đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Vũ Thị Mỵ